

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HS-ST

Ngày: 29 - 01 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Xuân Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lưu Thông

Ông Lê Văn Do

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lê Hiền Bằng

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:***  
Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2020/TLST-HS, ngày 23 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Tr** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không đi học; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y V - Sinh năm 1959 và bà Ki - Sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2020, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

**2. Ch** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1981 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H (đã chết) và bà Hd - Sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên An - Sinh năm: 1978 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2020, sau đó tạm giam cho đến nay. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

**\*Bị hại:**

J, sinh năm: 1990. Trú tại: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Aneh**, sinh năm: 1978. Trú tại: Làng K'Dập, xã H'Neng, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2/ Ông Võ Thanh H, sinh năm: 1978. Trú tại: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3/ Ông Trần Xuân V, sinh năm: 1977. Trú tại: Thôn 76, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**\*Người làm chứng:**

1/ Ông Th, sinh năm: 1982. Trú tại: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2/ Ông Trương Văn T, sinh năm: 1974. Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn H, sinh năm: 1965. Trú tại: Thôn N, xã Chư Đ, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**\*Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Nguyễn Thành T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**\*Người phiên dịch:** Ông Đinh H'N. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 10 giờ ngày 11/9/2020, Tr đi bộ ngang qua khu vực giọt nước tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì nhìn thấy 01 con bò của chị J (Sinh năm 1990, trú tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) đang ăn cỏ gần đó và không có người trông coi. Tr nảy sinh ý định trộm cắp con bò trên để bán lấy tiền tiêu xài nên đã lại gần rồi dắt con bò đi đến vườn cà phê của người dân thuộc làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và buộc con bò vào 01 gốc cây cà phê. Sau đó, Tr đi đến nhà Ch nhờ Ch bán giúp con bò đã trộm cắp nêu trên, **Tr nói dối với Ch là bò này do mẹ Tr cho. Sau đó** Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B1 - 025.60 chở Tr đi đến vị trí con bò, khi đi đến nơi Ch thấy con bò ở giữa vườn cà phê vắng người nên **Ch biết là bò này không phải của mẹ Tr mà do Tr trộm cắp nhưng Ch vẫn đồng ý giúp Tr để tìm người khác để bán trả trộm cắp trên**, rồi cả hai đi về. Khi về đến nhà, Ch dùng điện thoại di động gọi điện cho ông Võ Thanh H (Sinh năm 1978, trú tại Thôn 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) hẹn ông H đến mua bò. Đến 13 giờ cùng ngày, ông H đi từ nhà đến làng K, được Ch đưa đến vị trí con bò để xem và Ch nói với ông H đó là bò của nhà mình. Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất mua bán với số tiền 10.200.000đ nên ông H gọi điện thoại thuê ông Trương Văn T (Sinh năm 1974, trú tại Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) lái xe công nông đi đến làng K để vận chuyển bò. Khi thực hiện việc mua bán, ông H giao cho Ch đủ tiền và yêu cầu Ch viết giấy mua bán, nên Ch đi đến nhà anh T (sinh năm 1982, trú cùng làng) để mượn giấy bút, ngoài ra, Ch còn nhờ anh T ký tên người chứng kiến việc bán bò. Anh T tuy không chứng kiến việc mua bán bò giữa ông H và Ch nhưng do nể nang Ch nên

vẫn đồng ý ký tên và Ch đã đưa cho anh Thiên 30.000đ để mua rượu (số tiền cho Th là tiền riêng của Ch, không phải số tiền bán bò Ch nhận được). Sau khi viết giấy mua bán xong, ông H đi về còn Ch ở lại uống rượu với anh T. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông Võ Thanh H đã bán lại con bò vừa mua được từ Ch cho ông Trần Xuân V (Sinh năm 1977, trú tại Thôn 76, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) với số tiền 13.000.000đ. Ông Việt nhờ ông Nguyễn H (Sinh năm 1965, trú tại thôn N, xã Chư Đ, huyện C, tỉnh Gia Lai) sử dụng xe ô tô biển số 81C – 164.29 vận chuyển con bò về nhà mình tại Thôn 76, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đến ngày 14/9/2020, ông V đã xẻ thịt con bò và bán thịt hết.

**Qua định giá, xác định con bò bị trộm cắp trị giá 13.120.000đ.**

Số tiền bán bò có được, Ch không đưa cho Tr mà dùng trả nợ cho anh Br (Sinh năm 1981, trú tại làng W, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) số tiền 2.480.000đ và tiêu xài cá nhân, còn lại 4.000.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ 4.000.000đ, xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B1 - 025.60 và giấy đăng ký xe.

\* Qua điều tra xác định:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B1 - 025.60, là tài sản chung của vợ chồng Ch, do Ch sử dụng làm phương tiện phạm tội nên chuyển theo vụ án để xử lý.

- Đối với số tiền 4.000.000đ do Chunh giao nộp là tiền do bán tài sản phạm tội mà có nên chuyển theo vụ án để xử lý.

- Đối với giấy mua bán do ông Võ Thanh H giao nộp đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

- Đối với điện thoại di động Ch dùng để liên lạc với ông Võ Thanh H, đây là tài sản của con trai Chunh tên H (Sinh năm 2003), khi Ch sử H không có mặt ở nhà và không biết mục đích sử dụng của Ch nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

\* Về dân sự: Bị hại (chị J) yêu cầu bồi thường số tiền 13.120.000đ. Bị cáo Ch đã tác động vợ (bà An) đã bồi thường cho bị hại một con bò (tương đương 13.500.000 đồng) và 3.000.000 đồng, tổng số tiền tương đương là 16.500.000 đồng, bị hại không có yêu cầu thường gì thêm và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vợ bị cáo Ch không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại.

Tại Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Tr về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Ch về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh, điều luật, hình phạt:

+ Đối với bị cáo Tr: Tuyên bố bị cáo Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tr từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/9/2020).

+ Đối với bị cáo Ch: Tuyên bố bị cáo Ch phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ch từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/9/2020).

+ Không xử phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B1 - 025.60 và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 81B1-025.60, cấp ngày 20/12/2017 mang tên Võ Ngọc Ch. Xe mô tô này do vợ chồng bị cáo mua của người khác chưa sang tên, việc bị cáo Ch đã sử dụng xe này phạm tội thì vợ bị cáo không biết. Đây là tài sản không thể chia được, cũng là phương tiện duy nhất của vợ chồng bị cáo dùng để đi lại làm việc để lao động mưu sinh hàng ngày cho gia đình, hơn nữa kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn và là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên trả lại xe và giấy tờ xe trên cho vợ bị cáo.

+ **Đối với số tiền 4.000.000 đồng do Ch giao nộp là tiền do bán tài sản phạm tội mà có, đến nay bị cáo đã tác động vợ bị cáo bồi thường cho bị hại đã bồi thường cho bị hại một con bò (tương đương 13.500.000 đồng) và 3.000.000 đồng, tổng số tiền tương đương là 16.500.000 đồng và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.** Do đó trả lại cho bị cáo số tiền nêu trên.

- Về dân sự:

+ Bị cáo đã tác động vợ (bà An) đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu thường gì nữa nên không xem xét.

+ Vợ bị cáo Ch không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị hại nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo trình bày:*

Nhất trí với tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử các bị cáo với hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp với quy định của pháp luật. Hành vi, quyết định tố tụng

của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận:

Vào ngày 11/9/2020, tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, bị cáo Tr đã trộm cắp 01 con bò của chị J và sau đó bị cáo Ch đã giúp tiêu thụ tài sản do Tr trộm cắp được để hưởng lợi số tiền 10.200.000 đồng. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đ, trị giá con bò bị chiếm đoạt là 13.120.000 đồng.

[3] Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của **các bị cáo** tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo Tr đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 13.120.000 đồng, vì vậy, hành vi của bị cáo Trinh đã phạm vào tội: *“Trộm cắp tài sản”* theo định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. **Bị cáo Ch không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ là do Trinh trộm cắp mà có**, vì vậy hành vi của bị cáo Ch đã phạm vào tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[4] Nhận thấy, đây là vụ án đồng phạm, nhưng khi thực hiện tội phạm không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò của từng người mà các đồng phạm cùng thực hiện nên mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Trinh là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, còn bị cáo Chunh là người tiêu thụ tài sản do Trinh phạm tội mà có.

[4.1] Đối với bị cáo Tr, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi này của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội nên cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Ch, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo nhận thức được hành vi tiêu thụ tài sản do Trinh trộm cắp được là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn hưởng lợi để bán tài sản bị trộm cắp để lấy tiền tiêu xài nên cố ý thực hiện, hành vi này của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội nên cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, nhận thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động người thân bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử quyết định không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với những người đã mua lại tài sản từ Ch và vận chuyển tài sản đó gồm Võ Thanh H, Trần Xuân V, Trương Văn T, Nguyễn Hnhung đều không biết đây tài sản do trộm cắp mà có nên **Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.**

[7] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 81B1 - 025.60 và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 81B1-025.60, cấp ngày 20/12/2017 mang tên Võ Ngọc Ch. Xe mô tô này do vợ chồng bị cáo mua của người khác chưa sang tên, việc bị cáo Ch đã sử dụng xe này phạm tội thì vợ bị cáo không biết. Đây là tài sản không thể chia được, cũng là phương tiện duy nhất của vợ chồng bị cáo dùng để đi lại làm việc để lao động mưu sinh hàng ngày cho gia đình, hơn nữa kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn và là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên trả lại xe và giấy tờ xe trên cho vợ bị cáo.

- **Đối với số tiền 4.000.000 đồng do Chunh giao nộp là tiền do bán tài sản phạm tội mà có, đến nay bị cáo đã tác động vợ bị cáo bồi thường cho bị hại đã bồi thường cho bị hại một con bò (tương đương 13.500.000 đồng) và 3.000.000 đồng, tổng số tiền tương đương là 16.500.000 đồng và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.** Do đó trả lại cho bị cáo số tiền nêu trên.

- Đối với giấy mua bán do ông Võ Thanh H giao nộp đã được đưa vào hồ sơ vụ án. Đây là tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự thật của vụ án nên lưu chuyển theo hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đối với điện thoại di động Ch dùng để liên lạc với ông Võ Thanh H, đây là tài sản của con trai Chunh tên H (Sinh năm 2003), khi Chunh sử dụng H không có mặt ở nhà và không biết mục đích sử dụng của Chunh nên Cơ quan điều tra không thu giữ nên không xem xét.

[8] Về dân sự:

- Bị cáo đã tác động vợ (bà An) đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu thường gì nữa nên không xem xét.

- Vợ bị cáo Ch không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị hại nên không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Người bào chữa đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, nhưng do không cung cấp chứng cứ, tài liệu để xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo nên không chấp nhận đề nghị này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật được áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trinh.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chunh.

- Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Ch phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Tr 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/9/2020).

Xử phạt bị cáo Ch 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 15/9/2020).

4. Về vật chứng:

- Trả lại cho bà An (vợ bị cáo): 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 81B1-025.60, màu sơn đen - vàng, số khung RLC5C640BY422596, số máy 5C64422499, dung tích xi lanh 110; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 81B1-025.60, cấp ngày 20/12/2017 mang tên Võ Ngọc Ch.

- Trả lại cho bị cáo Ch số tiền 4.000.000 đồng.

(Tất cả vật chứng nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 01/12/2020).

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Tr, Ch, mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

***Đoàn Xuân Hòa***